

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KINH MÔN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 44 /2018/HNGĐ- ST  
Ngày: 24/8/2018  
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Bùi Quốc Huy**

**Bà Phạm Thị Chuộng**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:**  
**Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên**

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 122/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXX- ST ngày 25/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2018/QĐ- ST ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1975*

*Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1976*

*Đều ở địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.*

*Anh T có mặt, chị Y vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Lương Văn T trình bày: Về quan hệ vợ chồng; Anh***

T, chị Y được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Xuyên, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/8/2002. Sau kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn kinh tế tại địa phương, cùng nhau nuôi dạy hai con chung. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng vui vẻ bình thường. Tuy nhiên khoảng gần một năm nay, vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế chung và việc nuôi dạy con chung nên xảy ra bất đồng xô sát, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải vợ chồng nhưng đều không có kết quả, tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, hai bên không có tiếng nói chung nên anh T đã phải đi nơi khác ở, hai bên sống ly thân về tình cảm, độc lập trong làm ăn kinh tế, không còn quan tâm gì đến nhau nữa; Nay, anh T thấy vợ chồng không còn cơ hội đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn chị Y để mỗi bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới; *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Lương Thị Thanh Thanh D, sinh ngày 06/6/2002 và Lương Quốc K, sinh ngày 04/01/2007. Thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân, do anh phải đi ở nơi khác nên hai con vẫn ở cùng chị Y và học tập tại huyện Kinh Môn. Nay vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết việc giao nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở cùng chị Y nên anh tôn trọng nguyện vọng của hai con và tự nguyện đóng góp mức cấp dưỡng cho hai con chung mức 1.500.000 đồng/01 con đến khi con chung trưởng thành. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng*: Không có gì tranh chấp phải xem xét, giải quyết trong vụ án.

***Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:*** Về quan hệ vợ chồng và về con chung: Chị Y xác định đúng như Anh T trình bày tại Tòa án, anh T và chị Y được tự nguyện tìm hiểu để đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Xuyên. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu vui vẻ hòa thuận, nhưng nhiều năm nay do quan điểm sống khác nhau, hai bên không thống nhất trong cách làm ăn kinh tế và việc nuôi dạy con chung nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân là sự thực. Nay, anh T làm thủ tục ly hôn, chị Y mong muốn anh T suy nghĩ lại vì các con chung để rút đơn về đoàn tụ nuôi các con và phát triển kinh tế chung. Do vậy, chị Y không nhất trí ly hôn; *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là các cháu D, K. Thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân, do anh T đã đi ở nơi khác nên hai con vẫn ở cùng chị Y và học tập tại huyện Kinh Môn. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. *Về tài sản chung, công nợ chung,*

*công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng: Không có gì tranh chấp phải xem xét, giải quyết trong vụ án;*

Theo cung cấp của đại diện Ủy ban nhân dân xã Long Xuyên, đại diện thôn Ngư Uyên phản ánh nội dung: Anh T, chị Y làm thủ tục kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Xuyên, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/8/2002. Hai bên hiện sống ly thân nhiều tháng nay là đúng thực tế; thời gian vợ chồng còn chung sống cùng nhau vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn xô sát, không được hòa thuận hạnh phúc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:* Về quan hệ hôn nhân, xử cho anh Lương Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Y; Về con chung, xử giao cho chị Y được quyền nuôi hai con chung là Lương Thị Thanh Thanh D, sinh ngày 06/6/2002 và Lương Quốc K, sinh ngày 04/01/2007. Chấp nhận việc anh T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Y mỗi tháng là 1.500.000 đồng/01 con chung cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng) của vợ chồng: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí, xử: Anh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn và tiền án phí sơ thẩm dân sự do có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay chị Y vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T, chị Y được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Xuyên, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/8/2002 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị Y đang cư trú tại huyện Kinh Môn nên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của anh T là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân; Căn cứ đơn và yêu cầu của anh T xin ly hôn thì thấy: Qua lời khai của các đương sự trình bày tại Tòa án, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú và các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh

cuộc sống vợ chồng anh T, chị Y nhiều năm nay không được hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình cũng như việc nuôi dạy con chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết được, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nhiều tháng nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Bản thân chị Y đã nhận được thông báo phiên hòa giải nhưng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ chị Y cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng anh T, chị Y đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị Y là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung*: Vợ chồng anh T, chị Y có hai con chung là Lương Thị Thanh Thanh D, sinh ngày 06/6/2002 và Lương Quốc K, sinh ngày 04/01/2007. Thực tế từ nhỏ đến nay hai con vẫn ở cùng chị Y tại xã Long Xuyên. Chính anh T cũng thừa nhận là cả trong thời gian vừa qua khi vợ chồng sống ly thân thì hai con vẫn ở cùng mẹ, được chị Y chăm lo ăn học đầy đủ bằng bạn bè cùng trang lứa, chị Y có công việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng. Hai con chung của anh T, chị Y đều có nguyện vọng ở cùng mẹ nên thấy có căn cứ xem xét giao cho chị Y là người có quyền nuôi các con chung D và K là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện chị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho chị theo quy định của pháp luật. Anh T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y mỗi tháng là 1.500.000 đồng/01 con chung cho đến khi các con chung trưởng thành. Xét, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xử chấp nhận việc anh T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y mỗi tháng là 1.500.000 đồng/01 con chung cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con chung tính từ ngày 24/8/2018 là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng)*: Hiện anh T, chị Y không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án là có căn cứ, đúng quy định.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, anh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ là 300.000 đồng; chị Y không phải nộp án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Lương Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Y.

*2. Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Y được quyền nuôi hai con chung là Lương Thị Thanh Thanh D, sinh ngày 06/6/2002 và Lương Quốc K, sinh ngày 04/01/2007; Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T; Mỗi tháng anh Lương Văn T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là các cháu D, K cho chị Nguyễn Thị Y số tiền là 1.500.000 đồng/01 con chung cho đến khi các cháu D, K trưởng thành (đủ 18 tuổi); thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con tính từ ngày 24/8/2018; Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

*3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng):* Không xem xét, giải quyết.

*4. Về án phí:* Anh Lương Văn T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự; được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001552 ngày 03/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Anh Lương Văn T còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Án xử công khai sơ thẩm. Tòa án báo cho anh T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án; chị Y biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Xuyên, H. Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục thi hành án ds huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, V.P

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Anh Tuyết**